

NGÔ QUỐC ĐÔNG*

HIỆN TRẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG CÔNG GIÁO KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM¹

Tóm tắt: Bài viết này tập trung vào hai nội dung chính: Thứ nhất, cung cấp dữ liệu liên quan đến Công giáo tại một số khu vực biên giới đất liền của Việt Nam. Các dữ liệu này được cập nhật đến 2024, dựa trên hai nguồn chủ yếu: báo cáo của các ban ngành chức năng địa phương và kết quả phỏng vấn, khảo sát tại thực địa. Thứ hai tiến hành phân tích một số đặc điểm của các cộng đồng Công giáo tại các khu vực biên giới đất liền Việt Nam. Trên cơ sở tiếp cận sử học và tôn giáo học, các dữ liệu cho thấy nguồn gốc hình thành, hiện trạng niềm tin cũng như sinh hoạt của các cộng đồng Công giáo có sự khác biệt đáng kể. Những khác biệt này được chi phối bởi sự đa dạng trong lịch sử truyền giáo, quá trình di dân và bối cảnh kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

Từ khóa: Công giáo, đặc điểm, biên giới đất liền, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 10/9/2025; ngày phản biện: 29/9/2025; ngày duyệt đăng: 15/10/2025.

Mở đầu

Vùng biên giới đất liền Việt Nam giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng và an ninh chính trị. Đây là không gian sinh sống của cư dân thuộc nhiều tộc người khác nhau, đồng thời, là địa bàn tập trung nhiều tôn giáo và tín ngưỡng truyền thống, trong đó, Công giáo là một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ và mạng lưới phát triển tương đối ổn định. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, các tôn giáo nói chung, Công giáo nói riêng, ngày càng được nhận diện không chỉ trên phương diện đức tin mà còn ở vai trò xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị. Các cộng đồng Công giáo tại vùng biên giới vừa là những chủ thể quan trọng trong tiến trình phát triển bền vững, vừa có thể trở thành những điểm nhạy cảm trong công tác quản lý tôn giáo, đặc biệt, trong phòng ngừa nguy cơ lợi dụng tôn giáo để gây rối an ninh, chia rẽ dân tộc và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nghiên cứu chuyên sâu về Công giáo tại vùng biên giới đất liền Việt Nam cho đến nay còn khá hạn chế. Một số công trình đã đề cập đến chủ đề này, tiêu biểu như các nghiên cứu của Lê Đình Lợi (2019) về quá trình truyền giáo và phát triển Công giáo trọng cộng đồng người Hmông (Mông) ở Lào Cai. Tác giả đã chỉ ra rằng, Công giáo xuất hiện ở khu vực biên giới phía Bắc từ thời thuộc địa, song do yếu tố chính trị và truyền giáo đặc thù, suốt nhiều thập niên chỉ tồn tại vài chục hộ Hmông (Mông) giữ đạo. Mãi đến tháng 5/2006, Nhà thờ Sa Pa mới có linh mục thường trú, chấm dứt gần 60 năm không có chính xứ (Lê Đình Lợi, 2019: 91-103). Từ sau thập niên 1990, các giáo xứ, giáo họ được tái lập, sinh hoạt tôn giáo dần phục hồi. Đặc điểm địa lý và yếu tố dòng họ đóng vai trò quyết định trong sự phân bố các cộng đồng Công giáo tại khu vực này. Sự hiện diện thường xuyên của chức sắc cùng những tín hữu nhiệt thành đã trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình phục hồi và phát triển đời sống đạo tại đây. Hơn nữa, khả năng thích ứng và hội nhập văn hóa đã giúp Công giáo tồn tại, phát triển hài hòa trong bối cảnh đa dạng tôn giáo và văn hóa tại vùng biên giới (Lê Đình Lợi, 2019: 72-84). Một số nghiên cứu khác cũng cung cấp tư liệu liên quan. Bài viết của Trần Minh Hằng và cộng sự (2024) đề cập đến giáo xứ Hà Tiên (Kiên Giang) cùng đặc

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: ngoquocdongkt@gmail.com.

¹ Bài viết này là kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2021-2025): “Phát triển bền vững vùng biên giới đất liền ở Việt Nam phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị”, do PGS.TS. Chu Văn Tuấn làm chủ nhiệm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là tổ chức chủ trì.

điểm thành phần tín đồ, trong khi nghiên cứu của Ngô Quốc Đông (2015) đề cập tới lịch sử hình thành Công giáo ở khu vực này, dù mới dừng lại ở mức khái quát và số liệu chỉ cập nhật đến năm 2013. Điều này cho thấy, chủ đề Công giáo vùng biên giới vẫn còn nhiều khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Bài viết này dựa trên dữ liệu điều tra từ một số đề tài thuộc chương trình nghiên cứu về tôn giáo ở khu vực biên giới. Phạm vi khảo sát chủ yếu bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên, Gia Lai, Đắk Nông (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng) và An Giang (nay gồm cả tỉnh Kiên Giang trước đây). Các khu vực biên giới khác như vùng Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên hay biên giới phía Bắc của Tây Nam Bộ chưa có điều kiện khảo sát cụ thể nên chưa được đề cập chi tiết. Do đó, việc mở rộng nghiên cứu trong tương lai là cần thiết nhằm bổ sung những thông tin còn thiếu, góp phần xây dựng bức tranh toàn diện hơn về đặc điểm của Công giáo ở vùng biên giới đất liền Việt Nam.

1. Hiện trạng một số cộng đồng Công giáo ở biên giới đất liền hiện nay

1.1. Khu vực biên giới phía Bắc

Tỉnh Cao Bằng có đường biên giới giáp Trung Quốc. Công giáo tại đây trực thuộc giáo phận Lạng Sơn, một giáo phận được thành lập sớm trong lịch sử, nhưng có số lượng giáo dân ít nhất, chưa đến 10.000 người (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016: 603). Trong lịch sử, vùng này từng chịu ảnh hưởng truyền giáo của các giáo sĩ dòng Đa Minh, thuộc tỉnh dòng Lyon (Pháp). Cộng đồng Công giáo tại khu vực biên giới Cao Bằng phân bố chủ yếu ở thị trấn Tà Lùng, xã Trà Lĩnh và xã Lũng Nặm. Tổng số tín hữu được ghi nhận tại đây là 681 người, thuộc 210 hộ, phân bố trong hai giáo xứ và một giáo điểm. Cụ thể, giáo xứ Hưng Long có 105 hộ/314 giáo dân, do 01 linh mục phụ trách, với Hội đồng Mục vụ gồm 10 thành viên. Đây là một giáo xứ có tổ chức chặt chẽ, với sáu chức sắc, chức việc và tu sĩ trực tiếp điều hành sinh hoạt tôn giáo. Giáo xứ Bó Tờ có 100 hộ/348 giáo dân, do hai linh mục phụ trách; Hội đồng Mục vụ gồm năm thành viên, do ông Nông Văn Dũng làm chủ tịch. Giáo xứ này cũng có sáu chức sắc, chức việc và tu sĩ. Giáo điểm Trà Lĩnh có quy mô nhỏ (4 hộ/14 giáo dân), hoạt động theo mô hình cộng đoàn cùng ban điều hành gồm một trưởng ban và hai phó ban (Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng, 2024: 1-2).

Thực tế cho thấy, mặc dù số lượng tín đồ ở Cao Bằng không lớn, các cộng đồng Công giáo nơi đây vẫn duy trì tổ chức rõ ràng, có cơ cấu Hội đồng Mục vụ chặt chẽ, đồng thời thích nghi với đặc thù của địa bàn biên giới thông qua việc hình thành các giáo điểm quy mô nhỏ.

Tỉnh Lai Châu là tỉnh biên giới giáp Trung Quốc, có 673 hộ với 3.027 tín hữu Công giáo tính đến năm 2024. Trên địa bàn tỉnh hiện có hai giáo xứ, Lai Châu và An Thuyên (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016: 583), cùng 17 điểm nhóm, sinh hoạt tập trung tại 08 huyện, thành phố. Tỉnh có bốn linh mục đang hoạt động tôn giáo thuộc giáo phận Hưng Hóa (Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu, 2024: 1). Riêng ở khu vực biên giới, tổng số tín hữu là 32 hộ với 127 người, sinh sống ở các bản: Huổi Hán (xã Nậm Xe); Bản Lang 2 (xã Bản Lang); Sin Chải, Hợp 1, Hợp 2 (xã Dào San); Gia Khâu (xã Sìn Hồ, huyện Phong Thổ); cầu Phà (xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ trước đây). Thành phần tín hữu ở đây chủ yếu là giáo viên hoặc người từ tỉnh khác đến công tác, kinh doanh, buôn bán (Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu, 2024: 2), một số gia đình giáo dân gốc Hà Nam di cư lên làm kinh tế. Các tín hữu sinh hoạt tôn giáo tại gia, chưa hình thành cơ sở thờ tự tập trung. Tuy nhiên, vào các ngày Chủ nhật, họ thường tập trung tại nhà thờ bản Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ để tham dự phụng vụ và các lễ trọng như Giáng sinh, Phục sinh. Điểm nhóm này đã được đăng ký sinh hoạt tập trung; một cá nhân cho mượn nhà để làm điểm sinh hoạt. Hiện cộng đồng đang muốn xin phép thành lập giáo xứ Phong Thổ (PVS, những cán bộ Công an huyện Phong Thổ, 2025).

Tỉnh Điện Biên có đường biên giới giáp Lào và Trung Quốc. Năm 2024, Điện Biên có 507 hộ với 2.813 tín đồ Công giáo, phân bố tại 123 thôn, bản, tổ dân phố thuộc 45 xã, phường, thị trấn, của 10/10 huyện, thị xã, thành phố. Toàn tỉnh có một giáo xứ với ba giáo họ (Điện Biên, Mường Ảng, Tòa Chùa),

12/13 điểm nhóm đã được chính quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Ban Dân vận tỉnh Điện Biên, 2024; Hà Thị Lan Phương, 2024: 2). Tại xã Chung Chải (Mường Nhé) hiện có một điểm nhóm Công giáo với 30 hộ gồm 186 nhân khẩu (Đảng ủy xã Na Cô Sa huyện Nậm Pồ, 2024).

Theo báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh, Công giáo trên địa bàn khu vực biên giới Điện Biên, riêng khu vực biên giới có 327 hộ/2.027 tín hữu, sinh hoạt tại 10 điểm nhóm, trong đó 09 điểm nhóm đã đăng ký sinh hoạt tập trung (Hà Thị Lan Phương, 2024: 3). Huyện Nậm Pồ có số tín hữu đông nhất với 221 hộ/1.488 khẩu, phân bố tại 05 điểm nhóm đã đăng ký sinh hoạt với chính quyền như: Na Cô Sa 3, Huổi Thung 3... (Đảng ủy xã Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ, 2024: 7). Ở Điện Biên, đáng chú ý là một bộ phận người Kinh di cư từ miền xuôi lên trong giai đoạn 2000-2005, mang theo tôn giáo của mình. Trong số này có cả tín đồ Công giáo và Phật giáo. Do vậy, thành phần tín hữu Công giáo tại Điện Biên hiện nay phần lớn là người Công giáo gốc từ đồng bằng, tập trung sinh hoạt chủ yếu tại giáo xứ Điện Biên.

1.2. Khu vực biên giới Tây Nguyên²

Tỉnh Gia Lai: Công giáo tại Gia Lai trực thuộc giáo phận Kon Tum. Giáo phận này gồm hai tỉnh Gia Lai và Kontum (nay sáp nhập thành tỉnh Quảng Ngãi). Trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tỉnh Gia Lai có 90km đường biên giới giáp với Campuchia, trải dài trên địa bàn bảy xã thuộc ba huyện: Đức Cơ, Chư Prông và Ia Grai. Ở khu vực phía tây của Gia Lai, có 07 xã biên giới giáp Campuchia, gồm: Ia O, Ia Chia, Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Púch, Ia Mơ. Tại các xã này, trên 70% dân số là người dân tộc thiểu số; tuy nhiên, tín đồ Công giáo chủ yếu là người Kinh. Chẳng hạn, tại xã Ia O (huyện Ia Grai trước đây), có khoảng 150 giáo dân, phần lớn là người Kinh. Hoạt động sinh hoạt tôn giáo tại đây được duy trì nhờ linh mục từ giáo xứ thị xã Ayun Pa về cử hành nghi lễ hàng tuần cho cộng đồng tín hữu. Mặc dù còn thiếu thốn về cơ sở vật chất và nhân sự, nhưng sinh hoạt đức tin của cộng đồng Công giáo vẫn được duy trì nhờ tinh thần đoàn kết và đóng góp của giáo dân.

Bảng 1. Tình hình tín đồ và điểm sinh hoạt của Công giáo tại khu vực biên giới Gia Lai (2020 - 2025)

Khu vực	Thời gian	Số lượng giáo dân	Số điểm sinh hoạt
03 huyện biên giới trước khi thực hiện chính quyền hai cấp	2020	23.481	13
	Tháng 6/2025	27.639	23
07 xã biên giới	2020	1.390	03
	Tháng 6/2025	2.629	06

Nguồn: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai-Sở Dân tộc và Tôn giáo, 2025.

Tỉnh Lâm Đồng hiện nay bao gồm cả một phần địa bàn trước đây thuộc các tỉnh Bình Thuận và Đắk Nông. Trước tháng 6/2025, khu vực biên giới của tỉnh Lâm Đồng vốn thuộc tỉnh Đắk Nông. Công giáo tại khu vực biên giới Lâm Đồng trực thuộc giáo phận Buôn Ma Thuột. Tại đây có một giáo xứ trung tâm là Đức Hạnh (nay thuộc xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng) cùng nhiều giáo họ và giáo điểm lân cận.

Trước khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, Công giáo vùng biên giới này phân bố chủ yếu tại các huyện Tuy Đức, Đắk Mil, Đắk Song và Cư Jút - những địa bàn tiếp giáp với Campuchia. Quy mô giáo dân có sự phân hóa rõ rệt: đông nhất là giáo xứ Đức Hạnh với 2.524 giáo dân, trong khi các giáo điểm nhỏ như Mỹ An, Bon Bu Lum chỉ có vài trăm giáo dân. Phần lớn các cộng đồng Công giáo tập trung tại các xã biên giới như

² Tư liệu bài viết được thu thập trước thời điểm ngày 1/7/2025 nên trong báo cáo này, tác giả vẫn sử dụng tên gọi và số liệu của đơn vị hành chính cũ.

Quảng Trục, Thuận An, Đắc Buk So. Theo Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Nông (2025), tổng số giáo dân Công giáo khu vực biên giới là 10.053 người.

Bảng 2. Danh sách các điểm sinh hoạt Công giáo vùng biên giới khu vực Đắk Nông (tính đến tháng 6/2025)

STT	Tên gọi	Số lượng giáo dân	Địa chỉ
1	Giáo họ Vinh Sơn	926	Xã Đắc Wil, huyện Cư Jút
2	Giáo xứ Đức Hạnh	2.524	Xã Thuận An, huyện Đắk Mil
3	Giáo họ Hưng An	845	Xã Thuận An, huyện Đắk Mil
4	Giáo họ Bình Hà	2.040	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song
5	Giáo họ Tân Phúc	1.484	Xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức
6	Giáo họ Bon Bu Sóp, Bon Bu Prăng I	349	Xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức
7	Giáo điểm Bon Bu Lum, Bon Bu Krăk	223	Xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức
8	Giáo điểm An Tôn	350	Xã Thuận An, huyện Đắk Mil
9	Giáo điểm Mỹ An	224	Xã Thuận An, huyện Đắk Mil
10	Giáo điểm Bon Bu Ndrung	455	Xã Đắc Buk So, huyện Tuy Đức
11	Giáo điểm Thuận Hạnh	633	Xã Thuận An, huyện Đắk Mil

Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Nông, 2025.

1.3. Khu vực biên giới Tây Nam Bộ³

An Giang hiện nay bao gồm cả địa bàn trước đây thuộc tỉnh Kiên Giang, là khu vực có đường biên giới tiếp giáp Campuchia. Trên địa bàn này tồn tại nhiều cộng đồng Công giáo ở khu vực đất liền, tập trung tại các huyện và thành phố trước đây như Hà Tiên, Giang Thành và An Phú. Toàn bộ địa bàn An Giang thuộc giáo phận Long Xuyên.

Hà Tiên là địa bàn biên giới Tây Nam của Việt Nam. Nơi đây có *Giáo xứ Hà Tiên* và hai giáo họ. Thành phần tín hữu Công giáo ở đây gồm cả người Kinh và Hoa. Toàn thị xã Hà Tiên hiện có 2.710 tín hữu Công giáo (Trần Minh Hằng và cộng sự, 2024: 93-95). Đây là một trong những cộng đồng Công giáo lâu đời ở vùng biên giới Tây Nam, với lịch sử hình thành từ thế kỷ XIX dưới thời các thừa sai người Pháp. Nhà thờ Hà Tiên được xây dựng lại từ năm 1998 với kiến trúc đơn giản, mang hình dáng con thuyền vượt sóng. Các sinh hoạt tôn giáo tại đây gồm: tổ chức ca đoàn, ban lễ sinh, ban phụng vụ và hội Lòng Chúa Thương Xót. Theo lời kể của thành viên Hội đồng mục vụ: “Mỗi năm có khoảng 200 người Campuchia là Việt kiều hồi hương hoặc thân nhân sang xin lễ trong các dịp Lễ Các đẳng, Giáng sinh” tại đây (PVS, nam, chức sắc, Hà Tiên, Kiên Giang, 2024).

Họ đạo Giang Thành thuộc vùng biên giới phía Tây Nam của tỉnh Kiên Giang trước đây. Cộng đồng Công giáo tại đây hình thành từ đầu những năm 2000, khi Nhà nước triển khai chính sách phát triển vùng kinh tế mới, cấp đất cho người nghèo đến khai hoang và lập nghiệp. Phần lớn giáo dân hiện nay có nguồn gốc di cư từ các huyện Gò Quao, Tân Hiệp và Vĩnh Thuận (Kiên Giang). Linh mục Giuse bắt đầu phụ trách mục vụ cho cộng đồng từ năm 2010, trong bối cảnh phát hiện một vài trăm người Công giáo sống rải rác, chưa có nhà thờ, chưa có linh mục và hầu hết sinh hoạt tôn giáo đều diễn ra tự phát. Ngày 28/11/2019, họ đạo Giang Thành chính thức được cấp phép hoạt động tôn giáo (PVS, linh mục phụ trách họ đạo Giang Thành, 2024). Hiện nay, họ đạo Giang Thành có khoảng 533 giáo dân, phần lớn là người Kinh, chỉ có một ít trường hợp người Khmer theo Công giáo. Kế hoạch xây dựng nhà thờ đã được lập từ năm 2019, tuy nhiên, tuy nhiên việc xây dựng vẫn cần chờ thêm các hướng dẫn từ cơ quan chức năng để đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành (PVS linh mục phụ trách họ đạo Giang Thành, 2024). Mặc dù điều kiện cơ

³ Tư liệu bài viết được thu thập trước thời điểm ngày 1/7/2025 nên trong báo cáo này, tác giả vẫn sử dụng tên gọi và số liệu của đơn vị hành chính cũ.

sở vật chất còn nhiều hạn chế, đời sống tôn giáo tại Giang Thành vẫn từng bước được củng cố. Các lớp giáo lý, việc cử hành các bí tích như rửa tội, rước lễ lần đầu và hôn phối được tổ chức đều đặn. Về mặt an ninh chính trị - xã hội, khu vực Giang Thành nhìn chung ổn định. Chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ với linh mục và cộng đồng trong việc đảm bảo sinh hoạt tôn giáo hợp pháp. Các sự kiện tôn giáo lớn, như Giáng sinh, đều có sự hỗ trợ từ lực lượng công an và bộ đội trong việc phân luồng, đảm bảo an ninh. Đáng chú ý, dù nằm sát biên giới Campuchia, cộng đồng Công giáo Giang Thành hầu như không có giao thoa tôn giáo với bên kia biên giới. Giang Thành không xuất hiện hiện tượng truyền giáo xuyên biên giới hoặc hôn nhân xuyên quốc gia.

Giáo xứ Khánh Bình thuộc huyện An Phú được xem là một trung tâm Công giáo lớn ở khu vực biên giới Tây Nam, tiếp giáp Campuchia. Toàn huyện có 4.663 tín hữu Công giáo (UBND huyện An Phú, 2023: 1). Trước năm 1975, giáo xứ chỉ có khoảng 200 giáo dân cư trú tại Việt Nam, nhưng thường xuyên đón tiếp tới 1.000 giáo dân gốc Việt sinh sống ở Campuchia về tham gia sinh hoạt tôn giáo. Sau năm 1975, cùng với dòng người hồi hương, số lượng giáo dân tại địa phương tăng lên đáng kể. Linh mục Martino Trần Văn Chê đã khởi xướng việc tái thiết nhà thờ vào năm 1981 và đến năm 2005, một ngôi thánh đường mới được xây dựng tại ấp Sa Tô với sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương (Ban Tôn giáo An Giang, 2024). Hiện nay, giáo xứ Khánh Bình có khoảng 600 giáo dân Việt Nam thường trú và khoảng 100 giáo dân Campuchia không thường trú. Sinh hoạt tôn giáo được tổ chức đều đặn, với các hoạt động giảng dạy giáo lý, ca đoàn, tổ chức lễ trọng theo lịch phụng vụ. Đời sống kinh tế của giáo dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp, buôn bán nhỏ hoặc lao động tự do. Linh mục và Ban hành giáo thường xuyên tham gia họp giao ban với chính quyền xã, vận động giáo dân chấp hành tốt quy định về biên giới, đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường (Ban Tôn giáo An Giang, 2024).

2. Một số đặc điểm các cộng đồng Công giáo vùng biên giới

2.1. Đặc điểm về lịch sử hình thành

Quá trình hình thành các cộng đồng Công giáo ở khu vực biên giới đất liền có sự khác biệt đáng kể, chịu sự tác động bởi địa hình xa các trục lộ giao thông chính, đi lại khó khăn, và điều kiện kinh tế kém phát triển hơn so với các khu vực đồng bằng, đô thị. Tại miền núi Bắc, sự xuất hiện Công giáo gắn với công cuộc truyền giáo của các giáo sĩ Hội Thừa sai Paris. Ban đầu, họ được cử đến để chăm sóc mục vụ cho binh lính người Pháp, sau đó kết hợp truyền giáo cho người Kinh. Ngay từ đầu, việc truyền giáo cho người dân tộc thiểu số chưa được chú trọng (Ngô Quốc Đông, 2015: 111). Vì vậy, các xứ họ đạo ở Tây Bắc chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tôn giáo của sĩ quan, binh lính người Pháp tham chiến tại Đông Dương trước năm 1954. Đối với Tây Nguyên, từ cuối thế kỷ XIX, các giáo sĩ từ miền xuôi bắt đầu truyền giáo lên cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Một số cộng đồng, đặc biệt là người Bana, Ê Đê đã theo Công giáo (Dourisboure, 2023). Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, vùng biên giới khu vực Tây Nguyên với điều kiện “rừng thiêng nước độc” chưa hình thành được cộng đồng Công giáo ổn định. Tại biên giới Tây Nam, như ở An Giang, các cộng đồng Công giáo xuất hiện sớm hơn nhờ hoạt động truyền giáo và họ duy trì sinh hoạt cho đến nay.

Tổng hợp các dữ liệu tham chiếu và kết quả khảo sát cho thấy, một đặc điểm nổi bật trong quá trình hình thành các cộng đồng Công giáo ở vùng biên giới đất liền là sự gắn liền với các dòng *di dân* và hiện tượng *hồi hương*. Tại khu vực Tây Nam Bộ, một yếu tố đặc biệt định hình diện mạo Công giáo chính là sự hồi hương của người Việt gốc Công giáo từ Campuchia trong thập niên 1970 - 1980. Khi chế độ Pôn Pốt lên nắm quyền, hàng vạn người Việt phải rời bỏ nơi cư trú trở về Việt Nam, tập trung chủ yếu tại các tỉnh biên giới như An Giang và Kiên Giang. Nhiều giáo xứ hiện nay, điển hình như Khánh Bình hay Hà Tiên, đều có liên quan tới các cộng đồng hồi hương, di dân.

Ở khu vực miền núi phía Bắc, sự hình thành các cộng đồng Công giáo, nhất là một số xã vùng biên giới, liên quan mật thiết tới các cuộc di cư kinh tế trong thế kỉ XX. Nhiều cư dân miền xuôi từ các tỉnh đồng bằng như Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Hà Tây (nay là Hà Nội)... di cư lên miền núi lập nghiệp và mang theo đức tin tôn giáo của mình. Họ thường tập hợp thành các làng xóm gần nhau, từ đó hình thành nên các điểm sinh hoạt tôn giáo như điểm giáo, họ đạo, xứ đạo.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, làn sóng di cư lớn của giáo dân vào miền Nam khiến Công giáo vốn đã ít ỏi tại khu vực biên giới phía Bắc gần như vắng bóng. Đến năm 1975, có thể khẳng định các địa bàn giáp biên giới phía Bắc hầu như không còn cộng đồng Công giáo tại chỗ. Sự vắng bóng này phản ánh những yếu tố của điều kiện địa lý và cơ cấu tôn giáo truyền thống có ảnh hưởng đối với sự lan tỏa Công giáo.

Sau năm 1975, chính sách phát triển kinh tế mới đưa một bộ phận người Kinh từ đồng bằng lên định cư tại các huyện miền núi, trong đó có những người theo Công giáo. Từ đây, Công giáo bắt đầu xuất hiện rải rác tại các xã biên giới, chủ yếu ở Điện Biên, Lai Châu và Hà Giang. Đặc điểm của giai đoạn này thể hiện ở hai phương diện: sinh hoạt tôn giáo còn lỏng lẻo, không chính thức, chủ yếu trong phạm vi gia đình và thiếu linh mục thường trú cũng như cơ sở thờ tự. Đây là giai đoạn Công giáo xuất hiện chủ yếu do di cư kinh tế, không phải do quá trình cải đạo người dân tộc thiểu số. Điều này cho thấy yếu tố di dân tác động trực tiếp và sâu sắc trong việc hình thành cộng đồng Công giáo vùng biên.

Từ sau năm 1990, chính sách tôn giáo được đổi mới, cho phép các nhóm tín hữu đăng ký sinh hoạt theo khuôn khổ pháp luật. Giai đoạn này đánh dấu sự xuất hiện của nhiều điểm nhóm Công giáo nhỏ lẻ. Tại Điện Biên, một số hộ giáo dân hình thành điểm nhóm tại các xã thuộc huyện Mường Nhé, Nậm Pồ. Ở Lai Châu, xuất hiện tại huyện biên giới Phong Thổ một điểm nhóm nhỏ, chủ yếu gồm người Kinh di cư từ miền xuôi, sinh hoạt tại nhà dân. Đặc trưng sinh hoạt tôn giáo thời kỳ này vẫn là quy mô nhỏ, chưa hình thành các giáo xứ độc lập. Các nghi lễ lớn phải trông cậy vào sự hỗ trợ của linh mục từ trung tâm tỉnh trong điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn và mang tính tạm bợ.

2.2. Đặc điểm về niềm tin và thực hành tôn giáo

Một đặc điểm nổi bật của tín đồ Công giáo là niềm tin tôn giáo bền chặt. Điều này xuất phát từ việc họ được trải nghiệm và rèn luyện trong môi trường tôn giáo ngay từ nhỏ, thông qua hệ thống lớp giáo lý từ vỡ lòng đến hôn nhân, cùng với quy trình tham gia thánh lễ quanh năm theo lịch phụng vụ chung của Giáo hội. Sự giám sát chặt chẽ từ gia đình, chức sắc và cộng đồng đồng đạo khiến hiện tượng bỏ đạo ít xảy ra. Trường hợp cộng đồng người Hmông theo Công giáo ở Lào Cai là minh chứng điển hình: mặc dù trải qua nhiều thập niên thiếu vắng linh mục, họ vẫn duy trì nếp đạo trong gia đình như đọc kinh, cầu nguyện. Điều này cho thấy “độ bền” của niềm tin cộng đoàn (Lê Đình Lợi, 2019: 99-100).

Niềm tin Công giáo gắn bó mật thiết với điều kiện thực hành tôn giáo. Các cộng đồng hình thành do di cư tại vùng biên giới thường có xu hướng tìm đến những địa điểm sinh hoạt tôn giáo chung để duy trì và biểu đạt đức tin. Nhiều gia đình di cư lên vùng kinh tế mới, vào các dịp lễ trọng như Giáng sinh, Phục Sinh, Tuần thánh, vẫn sẵn sàng đi quãng đường rất xa để thực hành một số bí tích. Thực tế cho thấy, đời sống tôn giáo ở khu vực biên giới gắn liền với những thực hành linh hoạt, cả từ phía chức sắc và tín đồ, nhằm thích ứng với điều kiện địa bàn xa trung tâm và giao thông khó khăn. Không gian biên giới thưa dân buộc cộng đồng duy trì “nhịp đạo” theo hai cách: linh mục di chuyển đến các xã (như ở Ia O, Gia Lai) hoặc giáo dân tụ về nhà thờ gần nhất vào Chúa nhật (như ở bản Tây Sơn, xã Mường So, Lai Châu). Ngay cả những nơi chưa có nhà thờ chính thức như Giang Thành (An Giang), chu kỳ các bí tích từ rửa tội, rước lễ lần đầu đến hôn phối vẫn được tổ chức đều đặn. Các lớp giáo lý thiếu nhi được duy trì ổn định, góp phần nâng cao trình độ học tập của thế hệ trẻ. Có thể thấy, tính đều đặn của nghi lễ, giảng dạy

giáo lý và duy trì đời sống đức tin đã trở thành “chìa khóa” giúp các cộng đồng Công giáo vùng biên giữ được sự ổn định, bất chấp điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế.

Tại một số giáo xứ và giáo họ, các hoạt động của hội đoàn, ca đoàn, Hội đồng mục vụ giáo xứ được duy trì thường xuyên, góp phần củng cố đức tin và lan tỏa giá trị Công giáo. Ở Hà Tiên, ngoài ca đoàn, ban lễ sinh, ban phụng vụ, hội Lòng Chúa Thương Xót hoạt động tích cực; giáo xứ còn phối hợp chính quyền tổ chức “Tết vì người nghèo”, phát gạo và trao học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Tại Giang Thành, linh mục đã khởi xướng việc xây dựng nhà tình thương và hỗ trợ người dân nghèo, qua đó tạo dựng hình ảnh tích cực về vai trò của hàng giáo sĩ trong cộng đồng. Chuỗi hoạt động hội đoàn và bác ái này không chỉ làm gia tăng sự gắn kết nội bộ trong cộng đồng tín hữu mà còn củng cố niềm tin giữa các nhóm dân cư, đồng thời bồi đắp vốn xã hội cho cộng đồng Công giáo vùng biên.

Một số sinh hoạt Công giáo tại biên giới cũng cho thấy mối quan hệ tích cực giữa giáo xứ và chính quyền địa phương. Ở Khánh Bình (An Phú, An Giang), linh mục và Ban Hành giáo thường xuyên tham dự giao ban với chính quyền xã, đồng thời vận động giáo dân chấp hành quy định khu vực biên giới và giữ gìn vệ sinh môi trường. Tại Giang Thành, các dịp lễ lớn như Giáng sinh được chính quyền hỗ trợ điều tiết an ninh trật tự và giao thông. Điều này phản ánh quan hệ hợp tác tôn giáo với chính quyền tại vùng biên giới nhìn chung diễn ra tốt đẹp. Hoạt động tôn giáo được triển khai trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, các yếu tố xuyên biên giới được kiểm soát chặt chẽ. Chẳng hạn, tại Hà Tiên, hằng năm đón khoảng 200 người từ Campuchia (gồm Việt kiều hồi hương hoặc thân nhân) sang xin lễ các dịp Lễ Các Đấng, Giáng sinh. Ở Khánh Bình cũng ghi nhận khoảng 100 người Công giáo từ Campuchia không thường trú tham gia một số sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam. Họ đều thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định.

Về quy mô cộng đồng, số lượng tín đồ Công giáo tại các khu vực biên giới không tăng trưởng nhiều, chủ yếu do kết hôn hoặc nhờ vào mức tăng dân số tự nhiên. Vai trò của các linh mục ở đây trước hết nhằm duy trì cộng đồng, bảo tồn sinh hoạt tôn giáo, củng cố đức tin và đáp ứng nhu cầu tôn giáo của giáo dân. Ở khu vực phía Bắc, như Hà Giang và Cao Bằng, sự hiện diện của một số tu sĩ dòng cũng góp phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển các cộng đồng Công giáo địa phương.

Tuy nhiên, đức tin tôn giáo không phải là một hằng số bất biến. Biến đổi văn hóa tôn giáo trong bối cảnh thế tục hóa và hội nhập, cùng với áp lực di cư lao động, kinh tế thị trường và truyền thông số, đã khiến một bộ phận thanh thiếu niên có xu hướng “nhạt đạo” khi thiếu không gian sinh hoạt tôn giáo ổn định. Đối với các gia đình di cư, việc nhanh chóng tìm được nơi sinh hoạt đạo không chỉ có ý nghĩa nâng đỡ tinh thần trong bối cảnh kinh tế vùng đất mới, mà còn là điều kiện để duy trì và chuyển tải đức tin tôn giáo cho thế hệ con cái.

Ở những nơi có giáo xứ mạnh, hội đoàn phong phú, các hoạt động giáo lý, thánh nhạc, bác ái và gắn kết cộng đồng góp phần củng cố niềm tin và tăng cường tính bền vững của đời sống đạo. Tại các vùng có cư dân người Kinh - Hoa cùng sinh sống (Hà Tiên), hoặc nơi có giao thoa với cộng đồng người Khmer, Chăm (Khánh Bình, Giang Thành, Sa Pa), các yếu tố văn hóa lễ hội, ngôn ngữ và tập quán giao tiếp được thích nghi linh hoạt, qua đó tăng cường khả năng chung sống trong môi trường đa tôn giáo, đa tộc người. Mặc dù vậy, lo ngại về sự phai nhạt đức tin trong giới trẻ còn hiện hữu. Một số chức sắc, giáo dân lớn tuổi, cũng như thông tin của Ban Hành giáo xứ Hà Tiên và linh mục tại Giang Thành, đều bày tỏ quan ngại quá trình thế tục hóa có thể khiến giới trẻ Công giáo giảm dần sự gắn bó với đời sống đạo.

2.3. Đặc điểm về thành phần và quy mô cộng đồng

Kết quả khảo sát cho thấy, tại các điểm biên giới phía Bắc và Tây Nguyên, tín hữu Công giáo chủ yếu là người Kinh, với thành phần nghề nghiệp như: giáo viên, cán bộ, tiểu thương, người di cư làm kinh tế. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số theo Công giáo nhìn chung thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ cư trú. Chẳng

hạn, tại 7 xã biên giới của Gia Lai, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm hơn 70% cư dân, nhưng tín hữu Công giáo lại phần lớn là người Kinh. Tại Lào Cai, mặc dù là tỉnh giáp biên giới Trung Quốc, song cộng đồng Hmông theo Công giáo tập trung ở các khu vực xa vùng biên như: Hầu Thào, Lao Chải thuộc địa bàn Sa Pa (Lê Đình Lợi, 2019: 80). Riêng cộng đồng Công giáo Mường Khương, gần biên giới, có khoảng hơn 300 tín đồ, chủ yếu là người Kinh. Số liệu năm 2024 cho biết, toàn bộ khu vực biên giới phía Bắc và Tây Bắc Việt Nam có 1.126 hộ với 5.874 tín đồ người Hmông theo Công giáo, chiếm 2,07% dân số dân tộc Hmông ở khu vực biên giới (Nguyễn Ngọc Khánh, 2024).

Ở Hà Tiên, cộng đồng Công giáo có cả Kinh và Hoa, phản ánh lịch sử lâu dài của quá trình di dân thương mại tại cửa ngõ biển Tây Nam. Người Hoa ở đây chủ yếu gốc Triều Châu (người Tiều), tuy xa rời quê quán nhiều đời nhưng vẫn duy trì song ngữ. Tại Khánh Bình, đặc điểm cộng đồng Công giáo mang tính linh hoạt và biến động. Trong các lễ trọng như Giáng sinh, Phục sinh, nhiều giáo dân gốc Việt từ phía Campuchia thường xuyên trở về dự lễ. Ở Giang Thành, xuất hiện lác đác trường hợp người Khmer theo Công giáo, song không phổ biến. Riêng tại vùng Tây Bắc, cộng đồng người Hmông theo Công giáo từ đầu thế kỷ XX và phát triển nhanh chóng sau năm 1990, nhưng chủ yếu ở khu vực Sa Pa (Lào Cai).

Thành phần tín đồ như trên phản ánh hai thực tế đáng chú ý. Thứ nhất, hoạt động truyền giáo của Giáo hội Công giáo trong vùng cộng đồng dân tộc thiểu số không hiệu quả như Tin lành, và việc mở rộng ra vùng biên giới càng gặp nhiều khó khăn. Thứ hai, do đa số tín hữu là người Kinh nên Công giáo ở biên giới hầu như không hình thành được các cộng đồng Công giáo - dân tộc đặc thù như trường hợp Tin lành.

Quy mô cộng đồng Công giáo tại vùng biên giới có sự khác biệt rõ rệt giữa các khu vực. Ở miền Bắc, các cộng đồng Công giáo nhìn chung nhỏ và phân tán. Số liệu cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa biên giới phía Bắc và Tây Nguyên. Tại Cao Bằng, có 681 giáo dân thuộc 210 hộ, phân bố trong hai giáo xứ và một giáo điểm. Ở Lai Châu, cộng đồng chỉ gồm 32 hộ với 127 khẩu, rải rác tại nhiều bản. Riêng khu vực biên giới Điện Biên có 327 hộ với 2.027 tín hữu, sinh hoạt trong 10 điểm nhóm.

Ngược lại, tại biên giới Tây Nguyên và Tây Nam, các cộng đồng Công giáo có quy mô lớn hơn. Ở Lâm Đồng (khu vực trước đây thuộc Đắk Nông), có tới 10.053 giáo dân, tập trung theo cấu trúc các giáo họ “vệ tinh” quanh giáo xứ Đức Hạnh (Ban Tôn giáo Đắk Nông, 2025). Tại Gia Lai, toàn vùng biên giới trước tháng 6/2025 ghi nhận sự gia tăng đáng kể từ 23.481 tín hữu sinh hoạt tại 13 điểm (năm 2020) lên 27.639 tại 23 điểm (tháng 6/2025); riêng 07 xã biên giới tăng từ 1.390 tín hữu tại 03 điểm lên 2.629 tín hữu ở 06 giáo điểm (UBND tỉnh Gia Lai - Sở Dân tộc và Tôn giáo, 2025). Khu vực biên giới Tây Nam cũng có cộng đồng Công giáo với quy mô ổn định (PVS, nam, Hà Tiên, Kiên Giang, 2024). Ở Hà Tiên hiện có 2.710 tín hữu; tại Khánh Bình khoảng 600 giáo dân phía Việt Nam cùng khoảng 100 người Công giáo từ Campuchia không thường trú tham gia sinh hoạt không định kỳ (Ban Tôn giáo An Giang, 2024); còn Giang Thành có khoảng 533 giáo dân, chủ yếu từ nhiều địa phương khác nhau di cư đến để làm kinh tế. (PVS, Linh mục phụ trách họ đạo Giang Thành, 2024).

Các cộng đồng Công giáo vùng biên giới thường phân bố theo trục sinh kế, hạ tầng, tức là gắn với yếu tố việc làm, giao thông, trường học, trạm y tế. Tại những địa bàn có điều kiện hạ tầng tốt, giao thương buôn bán phát triển hoặc gần các điểm trung chuyển như xã biên giới, cửa khẩu, chợ biên, thường có xu hướng hình thành hạt, giáo họ hoặc giáo điểm với quy mô ổn định. Những cộng đồng này có mối liên kết và giao lưu thường xuyên với giáo xứ trung tâm trong khu vực. Ngược lại, ở các địa bàn núi cao, dân cư thưa thớt, đường sá cách trở, cộng đồng Công giáo thường tồn tại dưới dạng các điểm nhóm sinh hoạt tại gia. Sinh hoạt tôn giáo ở đây diễn ra theo lịch phụng vụ “lưu động” hoặc dựa vào những tín hữu nhiệt thành tôn giáo như chủ nhà nguyện, nhà tạm, giáo lý viên hay tu sĩ.

Mặc dù có quy mô hạt nhân, các cộng đồng này vẫn duy trì đầy đủ tính thiết chế của nó như: linh mục hiện diện đều đặn trong các buổi lễ quan trọng, có kinh Thánh, âm nhạc thờ phượng, giáo lý viên và một số tín hữu nhiệt thành đảm nhận vai trò nòng cốt tổ chức. Sinh hoạt thường diễn ra trong không gian tôn giáo tối thiểu (thường là nhà nguyện tạm, nhà tạm được mượn từ tư gia), nhưng vẫn đảm bảo được tính liên kết và bền vững. Sự gắn kết này được thể hiện qua việc chia sẻ cùng một đức tin, tuân thủ nghi thức phụng vụ bí tích và duy trì các lớp giáo lý có người phụ trách. Ngoài ra, các cộng đồng Công giáo vùng biên còn tổ chức những hoạt động bác ái chung, góp phần củng cố quan hệ đồng đạo và có mối quan hệ thông suốt với chính quyền địa phương. Những yếu tố này là nền tảng bảo đảm độ bền của đời sống đạo trong bối cảnh biên giới xa xôi, dân cư phân tán.

Kết luận

Các cộng đồng Công giáo ở vùng biên giới đất liền Việt Nam hình thành trên cơ sở đa dạng về nguồn gốc. Một số cộng đồng hình thành bắt nguồn từ quá trình truyền giáo lâu đời, trong khi nhiều giáo xứ, điểm nhóm khác lại ra đời trực tiếp từ các làn sóng di dân đến sinh sống. Ở một số khu vực, đặc biệt là Tây Nguyên, các cộng đồng phát triển theo cấu trúc quần tụ với một giáo xứ trung tâm và các giáo họ vệ tinh. Mặc dù có lịch sử hình thành khác nhau, các cộng đồng Công giáo vùng biên đều chia sẻ một đặc điểm chung là niềm tin ổn định. Niềm tin này được duy trì nhờ các thiết chế sinh hoạt tôn giáo thống nhất và bền vững của Giáo hội. Về thành phần, tín hữu người Kinh di cư giữ vai trò chủ lưu, trong khi tín hữu dân tộc thiểu số có mặt ở một số địa bàn nhưng không nổi bật so với người Kinh. Đặc điểm xuyên biên giới trong sinh hoạt tôn giáo vẫn tồn tại xuất phát từ các điều kiện lịch sử, song không trở thành xu hướng mở rộng vì Công giáo được tổ chức và quản trị theo giáo phận riêng biệt của từng quốc gia. Triển vọng trong tương lai cho thấy, các cộng đồng Công giáo ở vùng biên giới đất liền có khả năng tiếp tục phát triển tại những địa bàn có hạt nhân giáo xứ mạnh; đồng thời gắn với sinh kế và hạ tầng giao thông thuận lợi. Riêng tại các dải núi cao biên giới phía Bắc, các mô hình cộng đồng nhỏ, lẻ và phân tán nhiều khả năng vẫn duy trì tính ổn định, nhờ vào sự hiện diện thường xuyên của những thiết chế tôn giáo tối thiểu mà Giáo hội luôn đảm bảo, qua đó củng cố đời sống đức tin của giáo dân./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Dân Vận tỉnh Điện Biên (2024), *Tham luận làm việc với đoàn công tác của Viện Nghiên cứu Tôn giáo*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, ngày 26/11.
2. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ An Giang (2024), *Báo cáo tham luận Quan hệ dân tộc và tôn giáo vùng biên giới đất liền và mối liên hệ giữa giá trị dân tộc, giá trị tôn giáo với việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay*.
3. Ban Tôn giáo An Giang (2024), *Thông tin về giáo xứ Khánh Bình*, Tài liệu do Ban Tôn giáo An Giang cung cấp.
4. Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Nông (2025), *Số liệu tôn giáo khu vực biên giới*, tháng 6.
5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu (2004), *Báo cáo những đóng góp của nguồn lực tôn giáo cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng biên giới*.
6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng (2024), *Báo cáo tình hình tôn giáo 09 tháng đầu năm 2024*.
7. Dourisboure (2023), *Dân Làng Hồ*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
8. Đảng ủy xã Na Cô Sa (2024), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.

9. Ngô Quốc Đông (2015), “Vài nét về thực trạng và đặc điểm Công giáo ở vùng Tây Bắc”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 25, tr. 105-119.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Trần Minh Hằng và cộng sự (2024), “Một số vấn đề về quan hệ của các nhóm tộc người - tôn giáo trong phát triển ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 91-101.
12. Lê Đình Lợi (2019), “Quá trình truyền nhập và phát triển Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 91-103.
13. Lê Đình Lợi (2019), “Vài đặc điểm của Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5, tr. 72-84.
14. Nguyễn Ngọc Khánh (2024), *Một số vấn đề rút ra về tín ngưỡng, tôn giáo dân tộc Mông ở khu vực biên giới*, <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/mot-so-van-de-rut-ra-ve-tin-nguong-ton-giao-dan-toc-mong-o-khu-vuc-bien-gioi-108187>, ngày đăng tải 12/8/2024, ngày truy cập 19/9/2025.
15. Hà Thị Lan Phương (2024), *Công tác quản lý Nhà nước về Tôn giáo trên địa bàn tỉnh Điện Biên*, Tham luận làm việc với Đoàn công tác của Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
16. Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu (2024), *Báo cáo quan hệ dân tộc và tôn giáo vùng biên giới đất liền và mối quan hệ giữa giá trị dân tộc với giá trị tôn giáo với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Lai Châu hiện nay*, Tài liệu phục vụ Đoàn công tác Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
17. Sở Dân tộc và Tôn giáo - Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2025), *Báo cáo thực trạng tôn giáo và đóng góp của các tôn giáo trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh chính trị vùng biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, tháng 6/2025.
18. Ủy ban nhân dân huyện An Phú (2023), *Tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn huyện An Phú năm 2023*.

Abstract

SITUATION AND CHARACTERISTICS OF CATHOLIC COMMUNITIES IN VIETNAM'S LAND BORDER AREAS

Ngô Quốc Đông

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

This study focuses on two major aspects. Firstly, it provides updated data (as of 2024) on Catholicism in several land border areas of Vietnam, primarily drawing on two sources: reports issued by relevant local authorities and findings from fieldwork interviews and surveys. Secondly, the article analyzes key characteristics of Catholic communities in these regions. Based on historical and religious studies approaches, the data reveal significant differences in the origins, belief patterns, and religious practices of these communities. Such variations are shaped by diverse missionary histories, migration processes, and the socio-economic contexts of each locality.

Keywords: Catholicism, characteristics, land border areas, Vietnam.